

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **442/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Oanh
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Tịnh T, sinh năm 1975; HKTT và ngụ tại: 208 lô B, chung cư T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê M, sinh năm 1975; HKTT và ngụ tại: 208 lô B, chung cư T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Bà Hồ Tịnh T trình bày:

Bà và Ông Lê M tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số I/2003 ngày 29/01/2003.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng đỉnh điểm là từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân theo Bà T là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung từ những việc nhỏ trong cuộc sống nên đã ảnh hưởng đến đời sống tình cảm và tinh thần của cả hai. Giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tiền của ai người nấy giữ, kinh tế gia đình chủ yếu do bà lo, con cái từ trước đến giờ chủ yếu do bà chăm sóc, giáo dục, Ông M không phụ giúp gì. Ông M mới đóng tiền học thêm cho con khoảng 01 năm nay chứ những năm trước không hề đóng hoặc đưa khoản nào lo cho gia đình. Không những thế, Ông M thường xuyên say xỉn nên về nhà vợ chồng lại xảy ra cãi vã, đánh nhau. Vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, cứ nói một hai câu là lại xảy ra cãi vã, điều này ảnh hưởng đến tâm lý và tinh thần của các con. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn và chịu đựng nhưng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không thể giải quyết được nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2017 bà đã không còn tình cảm với Ông M và bà đã có ý định nộp đơn ly hôn từ thời gian này, nhưng sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên bà cố gắng chịu đựng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài và các con cũng đã hiểu nên Bà T yêu cầu ly hôn với Ông Lê M.

Về con chung: Bà T khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Lê Kim K, sinh ngày 19/7/2004 và Lê Minh H, sinh ngày 25/01/2009. Khi ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và yêu cầu Ông M cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 29/3/2022, tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Ông Lê M trình bày:

Về hoàn cảnh kết hôn và điều kiện kết hôn đúng như lời Bà T trình bày. Ông xác nhận vào năm 2017 ông có đánh bà T một lần do ông ghen. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng vẫn có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Do đặc thù công việc của cả hai nên vợ chồng cũng nói chuyện với nhau rất ít. Giữa vợ chồng ông dạo gần đây ít có sự quan tâm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau. Do công việc của ông cần vốn nên hàng tháng ông không đưa tiền cho vợ mà để dành làm vốn kinh doanh nhưng khi vợ con cần bất cứ khoản tiền gì thì Ông M đều đưa. Việc ông say xỉn một phần do công việc và một phần do trong cuộc sống không chia sẻ được với vợ nên ông mới phải uống rượu bia. Tuy nhiên, nay Bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm với vợ. Ông muốn Bà T cho ông một cơ hội, ông hứa sẽ cố gắng sửa chữa.

Về con chung: Ông M khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Lê Kim K, sinh ngày 19/7/2004 và Lê Minh H, sinh ngày 25/01/2009. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cả hai con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông M yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông M khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.
- Bị đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao con chung là Lê Kim K, sinh ngày 19/7/2004 và Lê Minh H, sinh ngày 25/01/2009 cho Bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Ông M cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà T, Ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyền số I/2003 ngày 29/01/2003 do Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Đ cấp cho Bà Hồ Tịnh T và Ông Lê M thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà T và Ông M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay Bà T yêu cầu ly hôn, Ông M có nơi cư ngụ tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định

tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Bà Hồ Tịnh T yêu cầu ly hôn với Ông Lê M:

Căn cứ lời khai của Bà T, Ông M thấy rằng trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có những bất đồng, tính tình không hòa hợp, vợ chồng ít có sự quan tâm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc, chia sẻ với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Không những thế, Ông M thường xuyên say xỉn nên về nhà vợ chồng lại xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng đến tâm lý và tinh thần của các con. Mặc dù vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà T cho rằng không còn tình cảm với Ông M nên vẫn giữ nguyên quyết định ly hôn. Ông M không đồng ý ly hôn, nhưng ông cũng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà T và Ông M là có thật và đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Bà T yêu cầu được ly hôn với Ông M là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Hai bên khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Lê Kim K, sinh ngày 19/7/2004 và Lê Minh H, sinh ngày 25/01/2009. Khi ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời, Ông M cũng đồng ý giao cả hai con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu thì Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của trẻ và với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu Ông M cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành.

Ông M đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 6/2022.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Bà T.

[4]. *Về quan hệ tài sản*:

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Bà T chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật là 300.000 đồng.

Căn cứ khoản 6, khoản Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Ông M chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Hồ Tịnh T:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Hồ Tịnh T được ly hôn với Ông Lê M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số I/2003 ngày 29/01/2003 do Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng cấp cho Bà Hồ Tịnh T và Ông Lê M hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- **Về quan hệ con chung:** Hai bên khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Lê Kim K, sinh ngày 19/7/2004 và Lê Minh H, sinh ngày 25/01/2009. Giao cả hai con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 6/2022.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí:

Bà Hồ Tịnh T chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035009 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ.

Ông Lê M chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND phường Thuận Phước,
quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương